

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HS-ST  
Ngày: 30/3/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trương Thị Đào Vi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Bích Thủy;
2. Bà Hoàng Hải Yến.

***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà:*** Ông Dương Phước An - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HS ngày 14/03/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hồ Văn H**; Tên gọi khác: Bi; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 17/12/1988, tại Đà Nẵng; Trú tại: Thôn P, xã D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Cha: không rõ; Mẹ: Hồ Thị L, sinh năm 1964; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Mai Thị Đ; sinh năm 1991 (đã ly hôn); Con: có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án: không, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/10/2021, sau đó chuyển tạm giam ngày 10/10/2021 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị S- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, có mặt.

\* Bị hại: Anh Dương Văn M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn M, xã D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1990; Địa chỉ: 207 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn Â, sinh năm 1999; Địa chỉ: Xóm C, thôn N, xã D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn O, sinh năm 1974; Địa chỉ: 161 Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1994, Địa chỉ: Thôn P, xã D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1991, Địa chỉ: Thôn P, xã D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 29/9/2021, Hồ Văn H mượn xe mô tô biển số 75R1-XXXX của anh Nguyễn Hữu T đến Cảng cá T, phường T, thành phố H xem có tàu cá nào chuẩn bị xuất bến ra khơi để xin đi làm nhưng các tàu cá đều đủ người nên H quay về nhà. Trên đường về, H nhớ lại trên trần của các ki-ốt ở chợ N thuộc thôn N, xã D, thành phố H có các lỗ thông gió có thể đột nhập vào bên trong nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Vào khoảng 02 giờ cùng ngày, khi H đi ngang qua chợ N thấy không có người nên H điều khiển xe mô tô đến phía sau chợ rồi dừng lại và đi bộ đến phía sau tiệm vàng “K” do anh Dương Văn M làm chủ. H trèo lên trần lợp tôn của tiệm rồi dùng tay kéo tấm tôn lên để tạo khoảng trống, sau đó đột nhập vào bên trong tiệm vàng. H mở tủ lấy trộm số trang sức gồm 06 (sáu) sợi dây chuyền, 03 (ba) nhẫn, khoảng 15 (mười lăm) lắc tay, 01 (một) tượng bằng bạc, với tổng trọng lượng 188,84 chỉ bạc, sau đó Hiếu theo hướng cũ tàu thoát ra ngoài.

Lấy được số trang sức trên, H điều khiển xe mô tô về nhà và trả lại xe cho anh Nguyễn Hữu T. Đến chiều ngày 30/9/2021, H đến tiệm vàng “H” do anh Nguyễn Văn O làm chủ bán 01 (một) nhẫn, 02 (hai) sợi dây chuyền, khoảng 3 (ba) đến 4 (bốn) lắc tay bằng bạc cho anh H với giá 1.700.000 đồng (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Sau đó, H tiếp tục đến tiệm vàng “V” do chị Nguyễn Thị Thu S làm chủ và bán 02 (hai) sợi dây chuyền, 03 (ba) lắc tay bằng bạc cho chị Sương với giá 1.820.000 đồng (*một triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*). Số tiền bán được số lượng bạc nêu trên, Hiếu mua tặng đôi tượng tên Nguyễn Thị Ng 01 (một) lắc tay bằng vàng trị giá 2.000.000 đồng, số tiền còn lại H tiêu xài cá nhân hết.

Đến tối ngày 30/9/2021, Cơ quan điều tra triệu tập Hồ Văn H lên làm việc và thu giữ trên người của Hiếu số lượng trang sức gồm 02 (hai) sợi dây chuyền, 09 (chín) lắc tay, 01 (một) tượng, 02 (hai) nhẫn bằng bạc.

\* Vật chứng đã thu giữ gồm:

Thu giữ từ Hồ Văn H:

- 02 (hai) sợi dây chuyền kim loại bạc, có khối lượng 29,17 chỉ.
- 09 (chín) lắc tay kim loại bạc, có khối lượng 80,7 chỉ.
- 01 (một) tượng chữ Vạn kim loại bạc, khối lượng 0,6 chỉ.
- 01 (một) nhẫn trơn kim loại bạc, khối lượng 1,07 chỉ.
- 01 (một) nhẫn kim loại đính 01 viên đá màu đỏ, có khối lượng 2,8 chỉ, viên đá màu đỏ không có giá trị.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu xanh đen, số imel 1: 866056044142052, số Imei 2: 866056044142045, màn hình bị vỡ, kèm sim, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10S màu xanh, số Imei 1: 352123115760112, số Imei 2: 352124114510110, đã qua sử dụng.

Thu giữ từ anh Nguyễn Văn O: 01 (một) miếng kim loại bạc, có khối lượng 35,6 chỉ.

Thu giữ từ chị Nguyễn Thị Thu S:

- 03 (ba) lắc tay kim loại bạc, có khối lượng 21,7 chỉ.
- 02 (hai) sợi dây chuyền kim loại bạc, có khối lượng 17,2 chỉ.

Thu giữ từ anh Nguyễn Văn Á: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3 Pro, màu xanh, số Imei 1: 358868/08/213165/5, số Imei 2: 358869/08/213165/3, bị hư hỏng.

\* Về trách nhiệm dân sự: Anh Dương Văn M đã nhận lại số tài sản là 04 sợi dây chuyền, 12 lắc tay, 01 tượng, 02 nhẫn và 01 miếng kim loại bạc, trọng lượng 188,84 chỉ (Một tám tám phẩy tám bốn chỉ) và yêu cầu Hồ Văn H phải bồi thường lại số trang sức bằng bạc bị mất thêm tương ứng với số tiền là 36.669.600 đồng. Chị Nguyễn Thị Thu S yêu cầu Hiếu phải bồi thường số tiền 1.820.000 đồng, anh Nguyễn Văn O yêu cầu Hiếu phải bồi thường số tiền 1.700.000 đồng. Hiện Hồ Văn H chưa bồi thường. Đối với chị Nguyễn Thị Thu S, anh Nguyễn Văn O là người mua các trang sức bằng bạc từ Hồ Văn H nhưng không biết đây là tài sản do H phạm tội mà có nên hành vi của chị S, anh H không cấu thành tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Nguyễn Hữu T cho H mượn xe mô tô biển số 75R1-XXXX làm phương tiện đi lại, không biết H dùng làm phương tiện phạm tội nên không đồng phạm với H về hành vi trộm cắp tài sản.

Đối với đối tượng Nguyễn Thị Ng qua xác minh hiện không cư trú tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với hai điện thoại Sam Sung bị cáo lấy trộm tại Cảng cá T, chưa xác định được bị hại nên cơ quan điều tra tạm giữ để tiếp tục điều tra xác minh là có cơ sở.

Bản cáo trạng số: 23/CT-VKS-HS ngày 11/01/2022 của Viện kiểm nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Hồ Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hồ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hồ Văn H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu xanh đen, số imel 1: 866056044142052, số Imei 2: 866056044142045, màn hình bị vỡ, kèm sim cho bị cáo Hiếu, do không liên quan đến việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho bị hại là anh Dương Văn M số tiền 36.669.600 đồng; chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu S về việc rút yêu cầu bồi thường số tiền 1.820.000 đồng đối với bị cáo; Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 1.700.000 đồng cho anh Nguyễn Văn O; Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh kinh tế khó khăn của bị cáo, là hộ cận nghèo, bản thân bị cáo là lao động chính, hiện đang nuôi mẹ già và hai con nhỏ vì vợ chồng bị cáo đã ly hôn, để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt. Tại phiên toà bị cáo cũng đã nhận thức được sai trái của bản thân nên tự nguyện bồi thường số tiền cho bị hại là 36.669.600 đồng mặc dù cơ quan điều tra xác định tang số phạm tội là 10.197.360 đồng và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại Khoản 1 Điều 173, điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Vào lúc 02 giờ ngày 29/9/2021, tại tiệm vàng K - chợ N thuộc thôn N, xã D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Hồ Văn H có hành vi lấy trộm 04 sợi dây chuyền, 12 lắc tay, 01 tượng, 02 nhẫn và 01 miếng kim loại bạc, trọng lượng 188,84 (*Một tám tám phẩy tám bốn*) chỉ bạc của anh Dương Văn M, có giá trị: 10.197.360 đồng (*Mười triệu một trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi đồng*). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo: Bị cáo Hồ Văn H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng nhưng lười lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Dương Văn M. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự địa phương nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là hộ cận nghèo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cũng phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát và Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa, để xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhưng cũng đúng pháp luật.

Từ nhận định và căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Xét thấy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu xanh đen, số imel 1: 866056044142052, số Imei 2: 866056044142045, màn

hình bị vỡ, kèm sim là tài sản không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Hồ Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Dương Văn M đã nhận lại số tài sản là 04 sợi dây chuyền, 12 lắc tay, 01 tượng, 02 nhẫn và 01 miếng kim loại bạc, trọng lượng 188,84 chỉ (Một tám tám phẩy tám bốn chỉ) và yêu cầu Hồ Văn H phải bồi thường lại số trang sức bằng bạc bị mất thêm tương ứng với số tiền là 36.669.600 đồng. Tại phiên toà bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này cho anh Minh. Xét sự tự nguyện của bị cáo là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Chị Nguyễn Thị Thu S rút yêu cầu bồi thường đối với bị cáo là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị S về việc không yêu cầu bị cáo bồi thường. Anh Nguyễn Văn O yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.700.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn O số tiền 1.700.000 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố bị cáo Hồ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 01/10/2021.

**2. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu xanh đen, số imel 1: 866056044142052, số Imei 2: 866056044142045, màn hình bị vỡ, kèm sim (đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/01/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế và chỉ huy thi hành án dân sự thành phố Huế).

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Hồ Văn H phải bồi thường cho anh Dương Văn M số tiền 36.669.600 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn O số tiền 1.700.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 /2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Hồ Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu 1.833.480 đồng của số tiền 36.669.600 đồng và 300.000 đồng của số tiền 1.700.000 đồng. Tổng hai khoản án phí dân sự sơ thẩm

bị cáo phải chịu là 2.133.480 ( làm tròn 2.133.000 đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Công an TP Huế;
- Sở tư pháp;
- Phòng PV 27 Công an T-T-Huế;
- Bị cáo; bị hại NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trương Thị Đào Vi**

